

Số: 2865/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 5 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công  
sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp  
và phát triển nông thôn (sự nghiệp kinh tế) của thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của liên Sở: Tài chính – Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2344/TTrLS:TC-NN&PTNT ngày 19/4/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội, gồm 15 dịch vụ (Chi tiết theo biểu số 01, 02 đính kèm).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ động tham mưu xây dựng, trình UBND Thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội.

b) Xây dựng, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND Thành phố khung giá hoặc giá dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí được cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính đủ chi phí theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ.

c) Quyết định lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn theo hình thức



giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo phân cấp của Thành phố và các quy định hiện hành, sau khi có ý kiến của cơ quan Tài chính cùng cấp.

d) Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố có hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

## 2. Sở Tài chính:

a) Tổ chức thẩm định giá dịch vụ đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội theo phương án do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất.

b) Tham gia ý kiến về hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo phân cấp của Thành phố và các quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã: Quyết định lựa chọn đơn vị sự nghiệp công để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo hình thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo phân cấp của Thành phố và các quy định hiện hành, sau khi có ý kiến của cơ quan Tài chính cùng cấp.

4. Trường hợp các văn bản của Trung ương có liên quan đến các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các quy định mới; trường hợp cần thiết, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục rà soát, tổng hợp, tham mưu trình UBND Thành phố quyết định điều chỉnh, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của thành phố Hà Nội phù hợp với thực tế thực hiện và theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố:  
Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Doãn Toàn;
- VPUB: PCVP TV. Dũng, NN. Sơn,  
KT, TKBT;
- Lưu: VT, KT. *KT*

15542-1557

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *KT*

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Doãn Toàn

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 19 / 5 /2017 của UBND Thành phố)

| STT        | Tên dịch vụ sự nghiệp công  | NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ | NSNN đảm bảo phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá | Ghi chú  |
|------------|---|--|--|--|
| <b>I</b>   | <b>Hoạt động lĩnh vực lâm nghiệp</b>  |  |  |  |
| 1          | Bảo vệ và phát triển rừng   | x  |  | Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành luật bảo vệ rừng và phát triển rừng  |
| 2          | Bảo tồn, cứu hộ, phục hồi sinh thái và tài nguyên rừng  | x  |  | Nghị định số 117/2010/NĐ - CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý rừng đặc dụng; Quyết định số 17/2015/QĐ - TTg ngày 09/6/2015 |
| 3          | Bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp  | x  |  |  |
| <b>II</b>  | <b>Hoạt động lĩnh vực chăn nuôi</b>   |  |  |  |
| 1          | Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi                                   |  |  |  |
| -          | Khảo nghiệm giống vật nuôi.   | x  |  |  |
| -          | Kiểm nghiệm, kiểm định thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi  |  | x  |  |
| 2          | Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi | x  |  |  |
| <b>III</b> | <b>Hoạt động lĩnh vực bảo vệ thực vật</b>   |  |  |  |

| STT       | Tên dịch vụ sự nghiệp công   | NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ | NSNN đảm bảo phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá | Ghi chú |
|-----------|--|--|--|---------|
| 1         | Kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật                                   |  | x  |         |
| 2         | Khảo sát nhằm đưa ra biện pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất | x  |  |         |
| 3         | Đánh giá dịch bệnh, sâu bệnh   | x  |  |         |
| <b>IV</b> | <b>Hoạt động sự nghiệp khác</b>  |  |  |         |
| 1         | Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, dự án                 | x  |  |         |

www.LuatVietnam.vn

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Ngoài phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ

*(Kèm theo Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND Thành phố)*

| STT | Tên dịch vụ sự nghiệp công   | NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ | NSNN đảm bảo phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá | Ghi chú   |
|-----|--|--|--|---|
| 1   | Công tác phối giống (thụ tinh nhân tạo) bằng tinh bò thịt, bò sữa chất lượng cao và lợn giống cao sản trên địa bàn Thành phố           | x  |  | Thực hiện theo Nghị quyết 25/2013/NQ-HĐND ngày 3/12/2013 và Quyết định 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 của Thủ tướng |
| 2   | Dịch vụ khảo nghiệm các loại giống cây trồng, cây lâm nghiệp, giống thủy sản   | x  |  |   |
| 3   | Dịch vụ nuôi giữ giống gốc, giống thuần thủy sản   |  | x  | Chỉ hỗ trợ phần chi phí chưa tính trong giá dịch vụ.  |
| 4   | Đánh giá, chứng nhận sản phẩm và vật tư nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật   |  | x  | Chỉ hỗ trợ phần chi phí chưa tính trong giá dịch vụ.  |
| 5   | Đánh giá, chứng nhận quá trình, chứng nhận hệ thống quản lý sản xuất, sơ chế, chế biến sản phẩm nông nghiệp                            |  | x  | Chỉ hỗ trợ phần chi phí chưa tính trong giá dịch vụ.  |
| 6   | Kiểm nghiệm, kiểm định môi trường nông nghiệp, vật tư nông nghiệp (trừ môi trường chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật) |  | x  | Chỉ hỗ trợ phần chi phí chưa tính trong giá dịch vụ.  |

